

Tranh chấp về phân định biển giữa Peru và Chile tại Tòa án Công lý Quốc tế của Liên hợp quốc (ICJ) và những tham chiếu cho Việt Nam trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo

Nguyễn Bá Diên^{*,1}, Đinh Phạm Văn Minh²

¹Trung tâm Luật biển và Hàng hải quốc tế, 39 Phạm Thận Duật, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình,
Số 56 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Nhận ngày 20 tháng 9 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 11 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2014

Tóm tắt: Ngày 16/01/2008, Cộng hòa Peru nộp tại Cơ quan thư ký của Tòa án Công lý Quốc tế của Liên Hợp quốc một Đơn kiện nhằm chống lại Cộng hòa Chile liên quan đến việc phân định biển giữa hai nước. Nội dung vụ kiện liên quan đến: thứ nhất, phân định đường biên giới giữa hai nước ở khu vực biển thuộc Thái Bình Dương và thứ hai, công nhận yêu cầu của Peru về một khu vực biển nằm trong giới hạn 200 hải lý tính từ bờ biển của Peru cho rằng thuộc về Peru, nhưng Chile cho rằng khu vực này thuộc về hải phận quốc tế. Trên cơ sở các lập luận được đưa ra thành viên của Tòa thông qua, ngày 27/01/2014, Tòa đã ra phán quyết cuối cùng để giải quyết vụ việc. Vụ việc của Peru và Chile là một ví dụ điển hình đáng tham khảo cho Việt Nam và cộng đồng quốc tế về việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia láng giềng thông qua cơ quan tài phán quốc tế.

Từ khóa: Phân định biên giới biển.

1. Nội dung vụ việc

1.1. Hoàn cảnh lịch sử vụ việc và yêu cầu của các Bên

Ngày 16/10/2008, Cộng hòa Peru nộp tại cơ quan Thư ký của Tòa án công lý Quốc tế của Liên hợp quốc (*tên viết tắt là ICJ*) đơn kiện Cộng hòa Chile đối với các tranh chấp trên biển

giữa 2 nước [1], trong đơn Peru yêu cầu Tòa phân định nội dung chính là:

- Thứ nhất, phân định đường biên giới trên biển giữa 2 nước ở khu vực Thái Bình Dương, đường phân định sẽ bắt đầu từ một điểm trên đường bờ biển gọi là Concordia (đây là điểm cuối của biên giới đất liền được thiết lập theo Hiệp ước Lima do các Bên đã ký vào ngày 03/6/1929).

- Thứ hai, công nhận một vùng biển nằm trong phạm vi 200 hải lý tính từ bờ biển Peru thuộc về Peru (xem Bản đồ các đường biên giới

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 0903426509
Email: diennbkl@vnu.edu.vn

biển được Peru và Chile tuyên bố, khu vực màu xanh sẫm) nhưng Chile cho rằng khu vực này thuộc về biển cả.

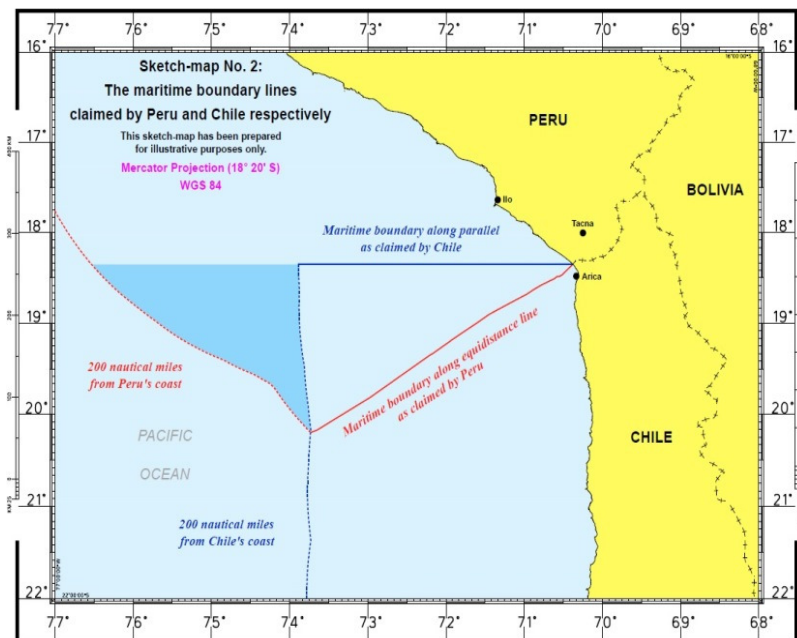
Sau khi nhận được Đơn khởi kiện của Peru, căn cứ vào các Khoản 2 và 3 Điều 40 Quy chế của Tòa (Statute of the Court), cơ quan Thư ký của Tòa đã thông báo các nội dung của Đơn yêu cầu đến Chile và các quốc gia có liên quan trong khu vực. Mặt khác, cơ quan Thư ký của Tòa căn cứ vào Khoản 3 Điều 34 Quy chế của Tòa thông báo vụ việc trên đến Tổ chức các nước châu Mỹ (OAS). Các quốc gia liên quan và Tổ chức các nước châu Mỹ đã phản hồi với Tòa rằng, họ không có yêu cầu về xin can dự hay tham gia với vai trò quan sát viên trong quá trình Tòa giải quyết vụ việc trên. Chile đã phản hồi chấp nhận thẩm quyền của Tòa giải quyết những tranh chấp theo yêu cầu của Peru.

Các bên đã thống nhất một Tòa đầy đủ sẽ có chức năng giải quyết tranh chấp, tuy nhiên, trong thành phần của Tòa không có thành viên là công dân của các Bên nên theo quy định của

Khoản 3 Điều 31 Quy chế của Tòa, mỗi Bên được chọn cho mình 1 thẩm phán *ad-hoc* tham gia thành viên của Tòa. Peru đã chọn ông Gilbert Guillaume và Chile chọn ông Francisco Orrego Vicuña.

Thành phần xét xử vụ việc gồm: Chủ tịch Tòa: TOMKA; Phó chủ tịch Tòa: SEPÚLVEDA-AMOR; Các thẩm phán: OWADA, ABRAHAM, KEITH, BENNOUNA, SKOTNIKOV, CANÇADO TRINDADE, YUSUF, XUE, DONOGHUE, GAJA, SEBUTINDE, BHANDARI; Các thẩm phán *ad-hoc*: GUILLAUME, ORREGO VICUÑA.

Bằng một yêu cầu ngày 10/4/2010, Tòa đã ấn định thời gian trình lên Tòa Bản trả lời của Peru vào ngày 09/11/2010 và Bản phản biện của Chile vào ngày 11/7/2011 (thủ tục viết). Sau khi nhận đầy đủ các văn bản trên, Tòa đã ấn định thời gian tổ chức phiên xử công khai diễn ra từ ngày 03 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012 (thủ tục nói).



Bản đồ các đường biên giới biển được Peru và Chile tuyên bố [2].

Về bối cảnh lịch sử, Tòa án nhận thấy rằng biên giới đất liền giữa Peru và Chile đã được hoạch định theo Hiệp ước Lima năm 1929. Năm 1947 các Bên đơn phương tuyên bố một số quyền trên biển được mở rộng ra đến 200 hải lý tính từ bờ biển của mỗi nước (gọi tắt là *Các tuyên bố năm 1947*). Trong những năm tiếp theo 3 nước Chile, Ecuador và Peru đã đàm phán với nhau 12 văn kiện có liên quan đến nội dung cần phân định của vụ việc hiện nay. Trong đó có 4 văn kiện là tuyên bố của các Bên về khu vực biển được thông qua vào tháng 8 năm 1952 tại Hội nghị về khai thác và bảo tồn các tài nguyên biển Nam Thái Bình Dương được tổ chức ở Santiago (còn gọi là *Tuyên bố Santiago*). Vào tháng 12 năm 1954 tại Lima, 6 văn kiện khác đã được thông qua bao gồm Công ước bổ sung Tuyên bố Santiago, các Hiệp định liên quan đến các biện pháp giám sát và quản lý trong các khu vực biển và Hiệp định liên quan đến một khu vực biên giới biển riêng biệt. Cuối cùng vào tháng 5 năm 1967 tại Quito, hai hiệp định liên quan đến hoạt động của Ủy ban thường trực đối với Nam Thái Bình Dương được ký kết.

Về quan điểm của các Bên, Peru cho rằng không có đường biên giới biển tồn tại giữa 2 nước và yêu cầu Tòa hoạch định đường này bằng phương pháp đường cách đều nhằm đạt được một kết quả công bằng. Về phần mình, Chile cho rằng Tuyên bố Santiago năm 1952 đã thiết lập một đường biên giới biển quốc tế, đường này đi dọc theo đường Vĩ tuyến đi qua điểm bắt đầu của ranh giới đất liền giữa Peru và Chile và mở rộng đến 200 hải lý Peru (xem Bản đồ các đường biên giới biển được Peru và Chile tuyên bố).

1.2. Thỏa thuận biên giới biển các Bên đã đạt được

Đầu tiên Tòa tiến hành xác định xem có tồn tại một đường biên giới trên biển được các Bên thỏa thuận như Chile tuyên bố.

a. Các tuyên bố năm 1947 của Chile và Peru

Tòa án xem xét Các tuyên bố năm 1947 của Chile và Peru, trong đó 2 quốc gia đơn phương tuyên bố các quyền trên biển được mở rộng ra 200 hải lý tính từ bờ biển của họ, các Bên không thiết lập một đường biên giới biển quốc tế rõ ràng, Tòa chỉ xem xét những Tuyên bố này thể hiện sự hiểu biết của các Bên về việc thành lập một đường biên giới biển trong tương lai. Các Tuyên bố này có bản chất tạm thời và không phản ánh một quan điểm chung của các Bên liên quan đến phân định biển. Tuy nhiên, các Tuyên bố năm 1947 có chứa các yêu cầu về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các Bên trong khu vực biển đang tranh chấp. Vì vậy, đây cũng là một nguyên nhân chính làm phát sinh sự cần thiết phải thiết lập một đường biên giới trên biển tại khu vực này trong tương lai.

b. Tuyên bố Santiago năm 1952

Tòa xem xét Tuyên bố Santiago năm 1952 có phải là một điều ước quốc tế và văn bản này có thiết lập một đường biên giới biển hay không. Để trả lời những câu hỏi trên, Tòa tiến hành giải thích Tuyên bố Santiago năm 1952 theo quy định của luật quốc tế, đặc biệt theo Công ước Vienna về Luật điều ước quốc tế năm 1969. Tòa xem xét ý nghĩa thông thường của các điều khoản trong hoàn cảnh Tuyên bố được hình thành. Tuyên bố không quy định rõ ràng để phân định đường biên giới biển của các quốc gia thành viên, nhưng nó chứa một số yếu tố phục vụ cho việc phân định biển. Tòa cho rằng, lời nói đầu của Tuyên bố tập trung vào việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của các Bên nhằm mục đích phát triển kinh tế, thông qua việc mở rộng các khu vực biển của họ. Tòa án bổ sung thêm rằng, về nguyên tắc, Tòa không cần phải sử dụng đến các phương tiện giải thích bổ sung, chẳng hạn như *travaux préparatoires* [3] của Tuyên bố Santiago 1952 cho kết luận của Tòa

khí xác định ý nghĩa của Tuyên bố như các vụ việc đã từng giải quyết.

Sau khi nghiên cứu nội dung của Tuyên bố Tòa án kết luận rằng, trái ngược với đệ trình Chile, Tuyên bố Santiago 1952 đã không thiết lập một đường biên giới biển giữa Peru và Chile dọc theo đường vĩ tuyến chạy về phía Thái Bình Dương từ điểm cuối hướng ra biển của biên giới đất liền.

c. Các Hiệp định năm 1954 khác

Tiếp theo Tòa án xem xét các hiệp định khác được ký kết bởi Peru và Chile vào năm 1954, trong đó Chile viện dẫn để hỗ trợ lập luận của mình rằng đường biên giới được tạo thành theo đường vĩ tuyến. Trong số các Hiệp định năm 1954 giữa hai bên, Chile nhấn mạnh đến Công ước bổ sung Tuyên bố Santiago năm 1952, các Hiệp định liên quan đến các biện pháp kiểm soát các vùng biển và Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt.

Tòa án nhận định rằng, cơ sở chung của việc đề xuất xây dựng Công ước bổ sung Tuyên bố Santiago năm 1952 bởi Chile, Ecuador và Peru khi các quốc gia này tham dự cuộc họp Ủy ban thường trực Nam Thái Bình Dương và Hội nghị liên quốc gia được tổ chức tại Lima vào cuối năm 1954. Công ước bổ sung Tuyên bố Santiago năm 1952 nhằm chống lại các cường quốc hàng hải lớn trên thế giới bằng cách 3 quốc gia đều tuyên bố họ có chủ quyền và quyền tài phán được thực hiện cùng nhau trong khu vực biển 200 hải lý tính từ bờ biển của mỗi quốc gia.

Chile tiếp tục tìm kiếm luận cứ từ Hiệp định liên quan đến các biện pháp kiểm soát các vùng biển, tuy nhiên, Tòa án kết luận rằng Hiệp định này không có chỉ dẫn về vị trí hoặc tính chất của biên giới trên biển.

Sau đó Tòa án chuyển sang Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954 được ký

bởi Chile, Ecuador và Peru để thành lập một khu vực miễn trừ do lỗi vô ý của tàu thuyền nhỏ đánh bắt cá, khu vực này có tính chất như “vùng đệm”. Lời mở đầu của Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954 như sau [4]:

“Kinh nghiệm cho thấy hành vi vi phạm vô ý biên giới biển [‘la Frontera Marítima’] giữa các quốc gia láng giềng xảy ra thường xuyên vì các tàu nhỏ có người lái bởi thuyền viên không đủ kiến thức về điều khiển hoặc không được trang bị các công cụ cần thiết gặp khó khăn trong việc xác định chính xác vị trí của họ trên biển;

Việc áp dụng các hình phạt trong trường hợp như vậy luôn tạo bức xúc cho ngư dân và xích mích giữa các nước liên quan, trong đó có thể ảnh hưởng xấu đến tinh thần hợp tác và đoàn kết ... ; và

Đó là mong muốn để tránh sự xuất hiện của hành vi vi phạm không chủ ý như vậy, hậu quả của nó ảnh hưởng đến chủ yếu là ngư dân.”

Nội dung chính của Hiệp định này quy định như sau:

“1. Một khu vực riêng biệt được thành lập, ở khoảng cách [‘a partir de’] 12 hải lý tính từ bờ biển, mở rộng ra là 10 hải lý ở cả hai bên của đường vĩ tuyến cấu thành đường biên giới biển [‘el Limite Marítimo’] giữa hai nước.

2. Sự xuất hiện vô tình trong khu vực này một tàu của một trong các quốc gia láng giềng, mà tàu có tính chất được mô tả trong lời mở đầu theo Hiệp định này, không được coi là vi phạm ..., mặc dù điều khoản này sẽ không được hiểu thừa nhận như bất kỳ quyền tham gia, với mục đích cố ý săn bắn hoặc đánh bắt cá trong khu vực riêng biệt đã đề cập.”

Tòa án lưu ý rằng các điều khoản của Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954, đặc biệt là Điều 1 và Lời mở đầu đã cho thấy rất rõ ràng các quốc gia đã thừa nhận trong thỏa thuận quốc tế rằng buộc rằng một biên giới

biển đã tồn tại. Tuy nhiên, sự thừa nhận rõ ràng của các Bên về sự tồn tại của một đường biên giới biển chỉ phản ánh thỏa thuận ngầm mà các Bên đã đạt được trước đó. Trong khi “*việc thành lập một biên giới biển vĩnh viễn là vấn đề rất quan trọng*”, vì vậy đường biên giới biển được thiết lập trên cơ sở “*bằng chứng về một thỏa thuận pháp lý ngầm phải thuyết phục*” (*Tranh chấp lãnh thổ và hàng hải ở vùng biển Caribbean (Nicaragua v. Honduras)*), Phán quyết năm 2007 (II), trang 735, đoạn 253). Đối với vụ việc này, Tòa khẳng định rằng Hiệp định đã cho thấy đường biên giới biển dọc theo vĩ tuyến đã tồn tại vì nó có mối quan hệ gắn bó với thỏa thuận ngầm của các Bên. Hiệp định không đưa ra chỉ dẫn về bản chất của biên giới biển. Hiệp định cũng không quy định rõ ràng phạm vi của đường biên giới biển, ngoại trừ quy định biên giới biển kéo dài hơn 12 hải lý tính từ bờ biển.

Ngoài ra, Tòa nghiên cứu tài liệu về quá trình thỏa thuận và xây dựng ngọn hải đăng trên khu vực biển đang phân định không đề cập bất kỳ thỏa thuận phân định biên giới biển nào trước đây. Tuy nhiên, trong tài liệu này lại ghi nhận thỏa thuận đã đạt được của các Bên về thừa nhận sự tồn tại của một biên giới biển vượt quá 12 hải lý. Cũng như Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954, các tài liệu này không quy định cụ thể phạm vi và tính chất của đường biên giới trên biển.

2. Đánh giá của ICJ về các thỏa thuận của các Bên

2.1. Bản chất của thỏa thuận biên giới biển

Sau khi nhận thấy các Bên đã thừa nhận sự tồn tại của một đường biên giới biển, Tòa án tiến hành xác định bản chất của đường biên giới biển, có nghĩa là đường biên giới này áp dụng

cho phần nước, đáy biển và lòng đất của đáy biển hoặc chỉ áp dụng biên giới cho phần nước. Tòa án chỉ ra rằng, các thỏa thuận ngầm vốn đã được thừa nhận trong Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954, phải được hiểu trong bối cảnh của các Tuyên bố năm 1947 và Tuyên bố Santiago 1952. Các văn kiện này thể hiện yêu cầu đối với đáy biển, phần nước, tài nguyên của chúng và về vấn đề này các Bên đã đưa ra yêu cầu không có sự phân biệt tại thời điểm đó. Do đó, Tòa án kết luận rằng biên giới mà các Bên đã thỏa thuận nhằm phân định cho nhiều mục đích.

2.2. Phạm vi của thỏa thuận biên giới biển

Tòa xác định phạm vi của biên giới biển đã thỏa thuận và kiểm tra lần lượt các thực tiễn có liên quan của các Bên ở đầu và giữa thập niên 1950, gồm cả sự phát triển của luật biển tại thời điểm đó.

Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954 đề cập đến biên giới biển cho mục đích thành lập một khu vực có tính chất “vùng đệm” dành cho các tàu nhỏ đánh bắt cá không được trang bị đầy đủ. Do đó, biên giới biển được thừa nhận dọc theo vĩ tuyến phải được mở rộng đến khoảng cách mà hoạt động đánh bắt cá diễn ra. Tàu thuyền khởi hành từ Arica (một cảng của Chile nằm cách phần cuối của biên giới đất liền khoảng 15 km) để đi đánh bắt cá theo hướng Tây - Tây Bắc trong phạm vi 60 hải lý tính từ bờ biển, đi qua đường vĩ tuyến tại một điểm cách điểm xuất phát của đường biên giới biển khoảng 57 hải lý. Về phía Peru, tàu đánh cá khởi hành từ Ilo (một cảng nằm cách phần cuối của biên giới đất liền khoảng 120 km) đi theo hướng Tây Nam đi vượt qua vĩ tuyến tại một điểm cách điểm xuất phát của đường biên giới biển khoảng 100 hải lý. Trong bối cảnh đó, các thông tin được các bên cung cấp đã cho

thấy hoạt động trên đã được thực hiện trong phạm vi 60 hải lý tính từ bờ biển từ thập niên 1950.

Tòa án đã không nhận thấy sự đánh giá của các Bên về tiềm năng các nguồn tài nguyên biển và hoạt động đánh bắt của họ vào những năm sau đó ra ngoài 200 hải lý. Việc đánh bắt cá vào thời kỳ thập niên 1950 chủ yếu được thực hiện bởi các tàu nhỏ đánh bắt cá được đề cập trong Hiệp định khu vực biên giới biển riêng biệt năm 1954. Từ đó Tòa lập luận rằng, hoạt động này đã cho thấy các Bên đã thừa nhận sự tồn tại của một biên giới biển thống nhất giữa họ, biên giới này có phạm vi là khả năng đánh bắt cá của các Bên thời kỳ đó nhưng không kéo dài ra đến 200 hải lý.

Sau đó, Tòa nghiên cứu sự công nhận của các Bên về sự tồn tại của đường biên giới trong bối cảnh của các thông lệ quốc tế, các nghiên cứu của Ủy ban Luật pháp Quốc tế, cách ứng xử của các quốc gia đối với vấn đề phân định biên giới biển ngoài khu vực lãnh hải. Tòa nhận định rằng, trong thời kỳ được xem xét, đề nghị đối với các quyền của nhà nước đối với vùng nước được thế giới công nhận là lãnh hải 6 hải lý, vùng đánh cá tiếp tục 6 hải lý và một số hạn chế quyền khai thác được thiết lập. Trong thời kỳ này, khái niệm vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý chưa hình thành và phải gần 30 năm sau mới được thừa nhận tại Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982).

Tòa tiếp tục kiểm tra các hoạt động thực tiễn sau năm 1954 gồm: Xem xét thực tiễn lập pháp của các Bên, Nghị định thư gia nhập Tuyên bố Santiago năm 1952 của các Bên vào năm 1955, thực thi của tàu thuyền các Bên và của nước thứ ba. Tòa còn nghiên cứu các thỏa thuận ngạn hải đăng vào các năm 1968-1969 và biên bản các cuộc đàm phán ký kết bởi Chile và Bolivia vào các năm 1975-1976 liên quan đến một cuộc trao đổi sẽ tạo cho Bolivia một “hành

lang biển” và vùng biển lân cận. Sự tham gia của các Bên tại Hội nghị thứ ba của Liên Hợp Quốc về Luật Biển, một bản công hàm do Đại Sứ Peru ông Bakula được gửi cho Bộ Ngoại giao Chile vào ngày 23/5/1986- kêu gọi “sự phân chia chính thức và dứt khoát các không gian biển” và thực tiễn của các Bên sau năm 1986. Thực tế thời kỳ đó, tàu thuyền các Bên đã đánh bắt cá trong phạm vi từ 60 đến 100 hải lý.

Trên cơ sở đánh giá toàn bộ các chứng cứ nói trên được các Bên đệ trình lên Tòa, Tòa kết luận rằng đường biên giới biển giữa hai bên mở rộng đến khoảng cách 80 hải lý dọc theo đường vĩ tuyến từ điểm bắt đầu là có cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.

3. Quá trình phân định của ICJ

3.1. Điểm bắt đầu của thỏa thuận biên giới biển

Sau khi kết luận tồn tại một đường biên giới biển giữa các Bên, Tòa xác định vị trí của điểm bắt đầu ranh giới đó. Ranh giới đất giữa 2 quốc gia đã được giải quyết và phân định theo Điều 2 của Hiệp ước Lima năm 1929, xác định rằng “biên giới giữa lãnh thổ của Chile và Peru ... phải bắt đầu từ một điểm trên bờ biển được đặt tên là Concordia, 10 km về phía Bắc của cầu bắc qua sông Lluta”. Theo Điều 3 của Hiệp ước Lima 1929, biên giới được phân định bởi một Ủy ban hỗn hợp, điểm đánh dấu đầu tiên dọc theo biên giới vật lý của biên giới đất là Cột mốc số 1. Tuy nhiên, các Bên bất đồng về vị trí chính xác của điểm Concordia. Trong khi Peru cho rằng Cột mốc số 1 không đánh dấu sự bắt đầu của biên giới đất đai được các Bên thông qua, Chile khẳng định đây là điểm xuất phát của biên giới đất đai. Về vấn đề này, Tòa án nhận xét rằng những lập luận được trình bày bởi các Bên liên quan đến vấn đề không rõ ràng

trước đó, cụ thể là, vị trí của điểm bắt đầu biên giới đất đai xác định là “Concordia” tại Điều 2 Hiệp ước Lima 1929.

Tòa cũng nhận mạnh rằng, Tòa không được các Bên trao trách nhiệm xác định điểm bắt đầu của đường biên giới đất liền như điểm Concordia và Tòa có thể hoạch định điểm xuất phát của biên giới trên biển mà không trùng với điểm bắt đầu của biên giới đất liền. Để xác định điểm bắt đầu của biên giới biển, Tòa án xem xét hồ sơ về quá trình dẫn đến thỏa thuận liên quan ngọn hải đăng các năm 1968-1969. Trong thỏa thuận xây dựng ngọn hải đăng, các Bên đã thỏa thuận và tiến hành xây dựng ngọn hải đăng tại vị trí đường vĩ tuyến đi qua Cột mốc số 1, do đó đường vĩ tuyến đi qua Cột mốc số 1 được xem là bằng chứng thuyết phục. Từ những lập luận này, Tòa đưa ra kết luận rằng điểm xuất phát của đường biên giới biển giữa các Bên là giao điểm của Vĩ tuyến vượt qua Cột mốc số 1 với mức thủy triều thấp nhất.

3.2. Hoạch định đường biên giới biển

Sau khi kết luận một thỏa thuận biên giới biển duy nhất đã tồn tại giữa các Bên và biên giới biển bắt đầu tại giao điểm của đường vĩ tuyến đi qua Cột mốc số 1 với mức thủy triều thấp nhất và tiếp tục đi 80 hải lý dọc đường vĩ tuyến đến một điểm, Tòa đặt tên điểm này là điểm A. Tiếp theo, Tòa chuyển đến việc xác định tiến trình biên giới biển từ điểm A.

Tòa án tiến hành phân định các phân khúc tiếp theo trên cơ sở quy định của Khoản 1 Điều 74 về vùng đặc quyền kinh tế và Khoản 1 Điều 83 về thềm lục địa của UNCLOS 1982 vì các quy định này đều được các Bên công nhận và thực tiễn áp dụng của Tòa án khi giải quyết các tranh chấp trong vụ án trước đó, như *Phân định biển và các vấn đề lãnh thổ giữa Qatar và Bahrain (Qatar v. Bahrain)*, Phán quyết năm

2001, trang 91, đoạn 167; *Tranh chấp lãnh thổ và hàng hải (Nicaragua v. Colombia)*, Phán quyết năm 2012 (II), trang 674, đoạn 139.

Khoản 1 Điều 74 và Khoản 1 Điều 83 UNCLOS 1982 quy định như sau:

“*Các phân định vùng đặc quyền kinh tế [thềm lục địa] giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hoặc liền kề được thực hiện theo thỏa thuận trên cơ sở luật pháp quốc tế, như quy định tại Điều 38 Quy chế của Tòa án Công lý Quốc tế (The Statute of the Court), để đạt được một giải pháp công bằng.*”

Liên quan đến án lệ của mình Tòa giải thích rằng, trong thực tế một số phân định bắt đầu không phải ở điểm tại mức thủy triều thấp nhất mà ở một điểm nằm xa trên biển như một kết quả của một thỏa thuận từ trước giữa các bên. Tuy nhiên, thực trạng Tòa phải đối mặt ở vụ việc này là sự bất thường ở chỗ điểm bắt đầu cho việc phân định nằm xa bờ biển và cách 80 hải lý tính tới điểm gần nhất trên bờ biển Chile và khoảng 45 hải lý tính tới điểm gần nhất trên bờ biển Peru.

Sau đó, Tòa tiến hành bước đầu tiên xây dựng một đường cách đều tạm thời bắt đầu tại điểm A. Để xây dựng một đường như vậy, Tòa lựa chọn điểm cơ sở thích hợp trên bờ biển của các Bên. Điểm cơ sở đầu tiên trên bờ biển Chile cách điểm A 80 hải lý dọc theo vĩ tuyến nằm gần với điểm bắt đầu của biên giới đất liền giữa 2 nước. Điểm cơ sở đầu tiên trên bờ biển Peru được Tòa án xác định bằng cách vẽ một vòng cung có tâm là điểm A, bán kính là 80 hải lý cắt đường bờ biển của Peru tại vị trí nào thì vị trí đó chính là điểm cơ sở đầu tiên trên bờ biển Peru (xem Bản đồ xây dựng các đường cách đều tạm thời). Các điểm cơ sở tương ứng tiếp theo nằm trên bờ biển của Chile và Peru được Tòa xác định theo phương thức tương tự nhưng với khoảng cách lớn hơn 80 hải lý tính đến

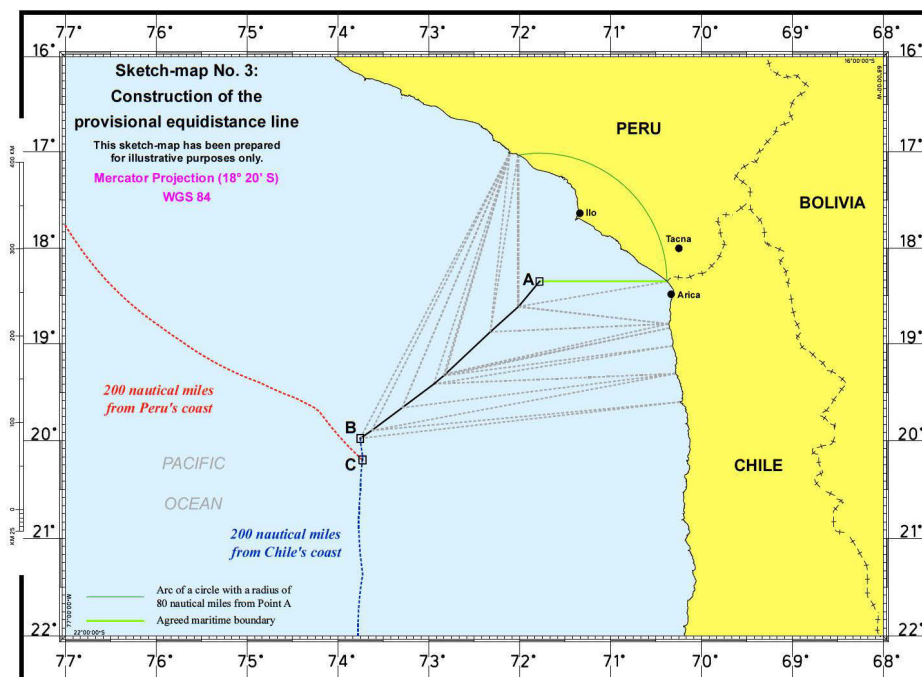
điểm A. Các điểm dọc bờ biển của 2 nước được Tòa chọn làm điểm cơ sở cho việc hoạch định đường biên giới biển là điểm nhô ra biển nhất (*Phân định biển ở Biển Đen (Romania v. Ukraina)*), Phán quyết năm 2009, trang 101, đoạn 117). Các điểm cơ sở tiếp theo của Peru được Tòa xác định nằm ở phía Tây- Bắc của điểm cơ sở đầu tiên và của Chile nằm ở phía Nam của điểm cơ sở đầu tiên.

Vì vậy, đường cách đều tạm thời được xây dựng chạy theo một hướng về phía Tây Nam, gần như trên một đường thẳng, phản ánh các đặc điểm “trơn tru” của bờ biển hai nước, cho đến khi giao với đường giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở của Chile, Tòa gọi điểm này là điểm B.

Trước khi tiếp tục hoạch định đường phân định, Tòa xem xét yêu cầu thứ hai của Peru, yêu cầu Tòa công nhận Peru có quyền chủ quyền

đối với khu vực nằm ngoài vị trí kết thúc biên giới chung mở rộng đến khoảng cách 200 hải lý tính từ đường cơ sở của mình. Tuy nhiên, Tòa án lập luận rằng, Tòa được các Bên trao thẩm quyền phân định các quyền lợi tại khu vực biển đang tranh chấp bằng một đường biên giới biển duy nhất nên Tòa sẽ không cần phải phán quyết về vấn đề thứ 2 mà Peru yêu cầu nữa.

Tiếp tục hoạch định đoạn cuối cùng của đường phân định, Tòa lập luận rằng từ điểm B hướng ra biển, vùng giới hạn 200 hải lý của các Bên không còn chồng lấn nữa. Tòa quan sát thấy rằng, từ điểm B các quyền lợi trên biển của Chile chạy theo hướng Nam. Vì vậy ở phân đoạn cuối cùng, Tòa hoạch định đường biên giới biển bằng cách nối từ điểm B đến điểm giao nhau của các đường giới hạn 200 hải lý của các Bên, Tòa gọi điểm này là điểm C.



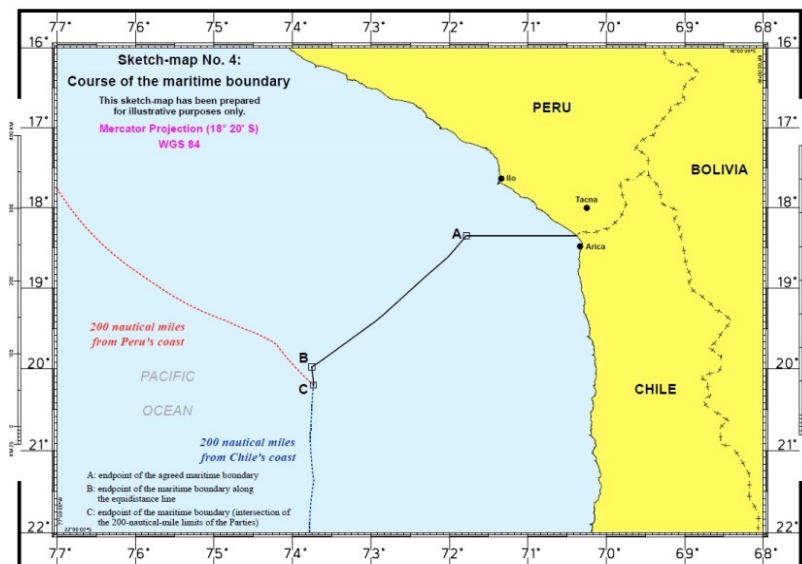
Bản đồ xây dựng đường cách đều tạm thời [5].

Sau đó Tòa chuyển qua giai đoạn xét xử thứ hai, Tòa đã điều chỉnh đường cách đều tạm thời vừa hoạch định ở giai đoạn thứ nhất theo các hoàn cảnh có liên quan để đạt được một kết quả công bằng. Đường cách đều tạm thời được Tòa hoạch định đã tránh bỏ qua bất kỳ vị trí nhô ra của trên đường bờ biển của mỗi Bên (các điểm nhô ra biển của bờ biển mỗi Bên được Tòa chọn làm điểm cơ sở cho việc hoạch định đường cách đều ở giai đoạn thứ nhất), trong khu vực biển phân định không tồn tại đảo. Mặt khác, trong các văn bản đệ trình của các Bên không đề cập hoặc có yêu cầu về vấn đề này. Vì vậy, Tòa quyết định không cần thiết phải điều chỉnh đường cách đều tạm thời đã được hoạch định.

Ở giai đoạn thứ ba, Tòa tiến hành xác định tính cân xứng của đường cách đều tạm thời so với độ dài bờ biển của các Bên có liên quan, mục đích là đánh giá tính công bằng. Đối với vụ việc hiện tại, sự tồn tại của phân đoạn biên giới đầu tiên do các Bên thỏa thuận chạy kéo dài 80 hải lý dọc theo vĩ tuyến là một sự bất thường của địa thế. Chính vì phân đoạn đầu tiên này đã làm cho việc tính toán tính cân xứng (tỷ lệ) về chiều dài bờ biển và mức độ của các khu

vực có liên quan không thể thực hiện được. Tòa nhắc lại trong những vụ việc trước đây, vì những khó khăn phát sinh từ hoàn cảnh thực tiễn mà Tòa đã không thực hiện những tính toán này, mặt khác “*Đối tượng của phân định là để đạt được một kết quả công bằng, không phải là một phân chia bình đẳng các khu vực biển*” (Phân định biển ở Biển Đen (Romania v. Ukraina), Phán quyết năm 2009, trang 100, đoạn 111). Từ những lập luận này Tòa kết luận rằng, trong qua trình giải quyết vụ việc Tòa đã đánh giá toàn diện tính cân xứng của kết quả phân định tạm thời. Với hoàn cảnh bất thường của vụ việc, thiếu cân xứng đáng kể là điều hiển nhiên mà các Bên phải chấp nhận vì những thỏa thuận mà các Bên đã đạt được trước đó. Kết quả phân định cuối cùng là nhằm hướng đến giải quyết yêu cầu về tính công bằng.

Trong bối cảnh của vụ án, đã xác định đường đi của đường biên giới biển giữa các Bên mà không cần xác định tọa độ địa lý chính xác, hơn nữa trong bản đệ trình chung của các Bên, Tòa án không được yêu cầu để làm điều đó. Tòa án hy vọng rằng các Bên sẽ xác định các tọa độ theo bản án, trên tinh thần lắng giềng hữu nghị.



Bản đồ biên giới biển giữa Peru và Chile được Tòa phân định [5]

3.3. Phán quyết của Tòa

Ngày 27/01/2014, trên cơ sở các lập luận được đa số các thành viên của Tòa thông qua, Tòa đã ra phán quyết cuối cùng để giải quyết vụ việc. Các nội dung và cách thức Tòa ra phán quyết được thực hiện như sau [7]:

“TÒA ÁN,

(1) Bằng mười lăm phiếu với một phiếu,

Quyết định rằng điểm xuất phát của đường biên giới biển duy nhất phân chia ranh giới các khu vực biển liên quan giữa nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile là giao điểm của Mốc biên giới số 1 với mức nước thủy triều thấp;

Đồng thuận: Chủ tịch Tomka; Phó chủ tịch Sepúlveda-Amor; Các thẩm phán: Owada, Abraham, Keith, Bennouna, Skotnikov, Cañado Trindade, Yusuf, Xue, Donoghue, Sebutinde, Bhandari; Các thẩm phán ad-hoc: Guillaume, Orrego Vicuña.

Phản đối: Thẩm phán Gaja.

(2) Bằng mười lăm phiếu với một phiếu,

Quyết định rằng phân khúc ban đầu của biên giới biển duy nhất đi theo Vĩ tuyến đi qua Mốc biên giới số 1 về phía tây.

Đồng thuận: Chủ tịch Tomka; Phó chủ tịch Sepúlveda-Amor; Các thẩm phán: Owada, Abraham, Keith, Bennouna, Skotnikov, Cañado Trindade, Yusuf, Xue, Donoghue, Gaja, Bhandari; Các thẩm phán ad-hoc: Guillaume, Orrego Vicuña;

Phản đối: Thẩm phán Sebutinde.

(3) Bằng mười phiếu với sáu phiếu,

Quyết định rằng phân khúc ban đầu này chạy lên đến một điểm (điểm A) nằm ở khoảng cách 80 hải lý tính từ điểm xuất phát của biên giới biển duy nhất;

Đồng thuận: Phó chủ tịch Sepúlveda-Amor; Các thẩm phán: Owada, Abraham, Keith,

Bennouna, Skotnikov, Cañado Trindade, Yusuf, Donoghue; Thẩm phán ad-hoc: Guillaume;

Phản đối: Chủ tịch Tomka; Các thẩm phán: Xue, Gaja, Sebutinde, Bhandari; Thẩm phán ad-hoc: Orrego Vicuña.

(4) Bằng mười phiếu với sáu phiếu,

Quyết định rằng từ điểm A, biên giới biển duy nhất sẽ tiếp tục chạy theo hướng Tây Nam dọc theo đường cách đều của các bờ biển của nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile được đo từ điểm A, cho đến khi giao nhau (tại điểm B) với đường giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Chile. Từ điểm B, biên giới biển duy nhất sẽ tiếp tục chạy về phía Nam dọc theo giới hạn đó cho đến khi nó đạt đến điểm giao nhau (điểm C) của các giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Peru và Cộng hòa Chile;

Đồng thuận: Phó chủ tịch Sepúlveda-Amor; Các thẩm phán: Owada, Abraham, Keith, Bennouna, Skotnikov, Cañado Trindade, Yusuf, Donoghue; Thẩm phán ad-hoc: Guillaume;

Phản đối: Chủ tịch Tomka; Các thẩm phán: Xue, Gaja, Sebutinde, Bhandari; Thẩm phán ad-hoc: Orrego Vicuña.

(5) Bằng mười lăm phiếu với một phiếu,

Quyết định rằng, ..., Tòa không cần phải ra phán quyết giải quyết đệ trình thứ hai của nước Cộng hòa Peru.

Đồng thuận: Chủ tịch Tomka; Phó chủ tịch Sepúlveda-Amor; Các thẩm phán: Owada, Abraham, Keith, Bennouna, Skotnikov, Cañado Trindade, Yusuf, Xue, Donoghue, Gaja, Sebutinde, Bhandari; Thẩm phán ad-hoc: Guillaume;

Phản đối: Thẩm phán ad-hoc Orrego Vicuña.”

Ngày 19/8/2014, Tổng thống Peru ông Ollanta Humala đã chính thức ký hiệp định chấm dứt cuộc tranh chấp lãnh thổ trên biển với nước láng giềng Chile, hiệp định này dựa trên phán quyết của Tòa án công lý quốc tế. Theo Bộ trưởng Ngoại giao Peru ông Gonzalo Gutierrez, với hiệp định mới sẽ không còn sự nhập nhằng về đường biên giới giữa 2 quốc gia Nam Mỹ. Tổng thống Peru cho rằng, Peru và Chile là một hình mẫu cho cộng đồng quốc tế về việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia láng giềng theo luật pháp quốc tế [8].

4. Kinh nghiệm cho Việt Nam khi tham gia giải quyết tranh chấp trên biển bằng ICJ

Hiện nay Việt Nam đang tồn tại những khu vực trên biển còn tranh chấp với các quốc gia khác, như khu vực bên ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, trong Vịnh Thái Lan với Campuchia, Thái Lan, Malaysia, tranh chấp với Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa, tranh chấp với Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunay và Đài Loan trên quần đảo Trường Sa, vùng đặc quyền kinh tế với Indonesia ... Trong tương lai, các tranh chấp trên có thể được đưa ra các thiết chế tài phán quốc tế có thẩm quyền để phân xử mà ICJ được xem là một trong các thiết chế tài phán quốc tế được sử dụng phổ biến nhất hiện nay vì những tính năng ưu việt trong xét xử và hữu hiệu trong thi hành các phán quyết của nó [9].

Một số kinh nghiệm cho Việt Nam khi tham gia giải quyết tranh chấp trên biển bằng ICJ từ vụ việc giữa Peru và Chile như sau:

Thứ nhất, Về phương pháp hoạch định đường biên giới biển, ICJ thường sử dụng gồm ba giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đầu tiên, Tòa tiến hành hoạch định một đường cách đều tạm thời, bằng cách

xác định các điểm cơ sở tương ứng với nhau nằm trên bờ biển của các Bên. Những điểm này thường được chọn theo thỏa thuận của các Bên hoặc trường hợp các Bên không thỏa thuận thì Tòa sẽ lấy các vị trí nhô ra biển nhất dọc theo bờ biển. Từ các điểm cơ sở này, Tòa sẽ tiến hành hoạch định đường cách đều (đường trung tuyến) tạm thời.

- Giai đoạn thứ hai, Tòa xem xét liệu tồn tại những hoàn cảnh có liên quan tác động đến đường cách đều tạm thời, từ đó điều chỉnh đường này để đạt được một kết quả công bằng. Phương pháp kỹ thuật của giai đoạn này là Tòa sẽ điều chỉnh đường cách đều tạm thời trên cơ sở địa hình, địa mạo của bờ biển các quốc gia tranh chấp, xem xét “hiệu lực” của các đảo trong khu vực biển phân định.

- Giai đoạn thứ ba, Tòa án tiến hành một thử nghiệm về tính cân xứng, trong đó đánh giá sự tương xứng của đường phân định do Tòa hoạch định ở 2 giai đoạn trên với chiều dài của đường bờ biển có liên quan của các quốc gia tranh chấp. Mục đích của giai đoạn này là đánh giá tính công bằng của kết quả phân định của Tòa ở hai giai đoạn trên. Phương pháp kỹ thuật của giai đoạn này là Tòa sẽ điều chỉnh một lần nữa đường cách đều tạm thời trên cơ sở mối tương quan (tỷ lệ) về chiều dài đường bờ biển của các Bên. Cách thức phân định trên đã được Tòa áp dụng trong các vụ việc trước đó về phân định biển, như *Phân định biển ở Biển Đen (Romania v. Ukraine)*, Phán quyết năm 2009, các trang từ 101-103; *Tranh chấp lãnh thổ và biển (Nicaragua v. Colombia)*, Phán quyết năm 2012 (II), các trang từ 695-696.

Hiện nay, Việt Nam chưa phân định biên giới trên biển với các quốc gia khác có đường biên giới trên bộ tiếp liền với nước ta như khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, trong Vịnh Thái Lan với Campuchia, đây là những khu vực có điều kiện hoàn cảnh địa lý

giống với khu vực biển của Peru và Chile. Vì vậy, việc nghiên cứu cách thức Tòa hoạch định đường phân định trong vụ việc này có ý nghĩa phục vụ cho nước ta trong tương lai nếu đưa các khu vực được đề cập ở trên ra ICJ phân xử.

Trong vụ việc này, Peru và Chile đã không đề nghị Tòa xác định tọa độ địa lý trên biển cụ thể của đường phân định nên Tòa không tiến hành việc này. Tuy nhiên, trong công tác phân định biên giới việc xác định tọa độ địa lý của các điểm mốc mà tại đó đường biên giới có sự thay đổi hướng đi là rất quan trọng. Vì vậy, trường hợp Việt Nam và các quốc gia hữu quan khác đề nghị ICJ thực hiện phân định đường biên giới trên biển (hoặc trên đất liền) cần thiết thỏa thuận trao thẩm quyền cho Tòa trong việc xác định tọa độ địa lý của các điểm trên đường phân định.

Thứ hai, Nguồn luật điều chỉnh tranh chấp giữa các quốc gia mà Tòa có thể sử dụng theo Điều 38 Quy chế của Tòa án Công lý Quốc tế bao gồm:

- Các điều ước quốc tế chung hoặc riêng, đã quy định về những nguyên tắc được các bên đang tranh chấp thừa nhận;

- Các tập quán quốc tế như những chứng cứ thực tiễn chung, được thừa nhận như những quy phạm pháp luật;

- Nguyên tắc chung được các quốc gia văn minh thừa nhận.

- Các án lệ và các học thuyết của các chuyên gia có chuyên môn cao nhất về luật quốc tế của các quốc gia khác nhau được coi là phương tiện để xác định các quy phạm pháp luật.

Trong vụ việc giữa Peru và Chile, ICJ đã viện dẫn các điều ước quốc tế mà các Bên đã ký kết trước đó và các án lệ mà Tòa đã từng phân xử để hỗ trợ cho lập luận của mình khi thực hiện phân định.

Thứ ba, Kết quả phân định cuối cùng của ICJ hướng đến tính công bằng chứ không phải phân chia khu vực các bên đang tranh chấp thành những phần bằng nhau tương xứng với hoàn cảnh có liên quan của mỗi bên. Nguyên tắc công bằng (còn được gọi theo ngôn ngữ Latin là *Nguyên tắc en aequo et bono*) cho phép ICJ có thẩm quyền phân xử không theo một khuôn mẫu cụ thể, miễn kết quả cuối cùng đảm bảo tính công bằng cho các bên tham gia giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, Trong vụ việc trên, thời kỳ chưa giải quyết dứt điểm vấn đề phân định đường biên giới biển, Peru và Chile đã ký kết điều ước quốc tế về miễn trách nhiệm cho các thuyền nhỏ, thiếu các phương tiện kỹ thuật định vị địa lý hoạt động tại những khu vực chưa phân định đường biên giới trên biển rõ ràng. Đây có thể được xem là một hình mẫu về hòa bình giải quyết tranh chấp trên biển cho các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn tồn tại những khu vực tranh chấp trên biển học tập áp dụng trong khi chờ đợi tìm giải pháp giải quyết dứt điểm các tranh chấp.

Thứ năm, Nhằm phục vụ cho quá trình giải quyết tranh chấp tại ICJ, Peru và Chile đã sử dụng một đội ngũ đông đảo các giáo sư pháp lý đến từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu danh tiếng trên thế giới và các chuyên gia pháp lý làm việc tại các cơ quan, ban, ngành của mỗi nước, mỗi bên hơn 30 người [10]. Từ đó có thể thấy yếu tố con người giữ vị trí vô cùng quan trọng trong giải quyết tranh chấp quốc tế nói chung và phân định biên giới biển nói riêng. Đây cũng là bài học kinh nghiệm đáng giá cho Việt Nam.

Để có thể tham gia giải quyết tranh chấp tại quốc tế tại ICJ nhằm bảo vệ hiệu quả chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc (với tư cách là nguyên đơn, hoặc bị đơn, hoặc bên thứ ba), nhất là đứng trước những thách thức xuất phát từ

tình hình nóng bỏng đang diễn ra trên Biển Đông, Việt Nam cần thiết, một mặt, phải có chính sách sử dụng đội ngũ các chuyên gia luật quốc tế đầu đàn, có kinh nghiệm và tâm huyết tại các viện nghiên cứu và trường đại học ; đồng thời có chiến lược cụ thể đào tạo đội ngũ chuyên gia pháp lý quốc tế chuyên sâu đáp ứng được yêu cầu về tham gia giải quyết tranh chấp tại các thiết chế tài phán quốc tế nói chung và ICJ nói riêng. Nhà nước cần xây dựng chính sách đào tạo và tiến cử các chuyên gia là công dân Việt Nam có trình độ và bản lĩnh có đầy đủ phẩm chất vào làm việc tại bộ phận giúp việc của các thiết chế tài phán quốc tế như Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ), Tòa án Luật biển Quốc tế (ITLOS), v.v... Tuyển chọn các ứng viên xuất sắc nhất trong số này đưa ra ứng cử vào vị trí thẩm phán tại ICJ, ITLOS hoặc tham gia vào Danh sách trọng tài viên để thành lập Tòa trọng tài theo các Phụ lục VII và VIII của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, Trọng tài Thường trực La hay (PCA),... hoặc tham gia với vai trò là cố vấn pháp lý, luật sư cho Việt Nam khi các tranh chấp hiện nay của nước ta được đưa ra ICJ hoặc các cơ quan tài phán quốc tế khác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Xem nội dung vụ việc và phán quyết tại Website chính thức của ICJ: <http://www.icj-cij.org/docket/index.php?p1=3&p2=2>; PGS, TS. Nguyễn Bá Diên, Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo, Sách chuyên khảo, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia, 2013.
- [2] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, tr 16.
- [3] Travaux Préparatoires: là tài liệu chính thức ghi lại các cuộc đàm phán, soạn thảo và thảo luận trong quá trình tạo ra một điều ước quốc tế. Những tài liệu này có thể được tư vấn và xem xét khi giải thích điều ước quốc tế.
- [4] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, tr 32, 33.
- [5] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, tr 64.
- [6] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, tr 66.
- [7] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, các tr từ 67 đến 69, đoạn 198.
- [8] Theo VTV online: <http://www.baomoi.com/Peru-ky-hiep-dinh-phan-dinh-bien-voi-Chile/119/14620562.epi>
- [9] Đinh Phạm Văn Minh (2013), Quy chế và thực tiễn xét xử của Tòa án công lý quốc tế về giải quyết chủ quyền biển đảo, Luận văn Thạc sĩ luật học, tr.5.
- [10] Tranh chấp biển (Peru v. Chile), Phán quyết ICJ ngày 27/01/2014, các tr từ 4 đến 8.

Maritime Delimitation Between Peru and Chile: An Experience for Vietnam in Resolving Maritime Disputes by International Court of Justice

Nguyễn Bá Diên¹, Đinh Phạm Văn Minh²

¹*Center for Law of the Sea and the International Maritime,*

39 Phạm Thân Duật, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

²*Department of Civil enforcement Quảng Bình,*

No. 56 Nguyễn Hữu Cảnh, Đồng Hới, Quảng Bình, Vietnam

Abstract: On 16 January 2008, the Republic of Peru lodged an Application instituting proceedings against the Republic of Chile in respect of their dispute concerning maritime boundary delimitation

with the Registry of the International Court of Justice. The merits of the case embody: firstly, the delimitation of the maritime boundary between the maritime zones of the two States in the Pacific Ocean, and secondly, the judgement of Peru's request of recognition in favour of Peru with regard to a maritime zone lying within 200 nautical miles of Peru's coast that Chile considers to be part of the high sea. On the basis of these arguments, the majority of the members of the Court issued a final judgment to resolve the case on January 27th 2014. The case of Peru and Chile is a pattern for the international community and for Vietnam to solve the territorial disputes with neighboring countries.

Keywords: Maritime delimitation.